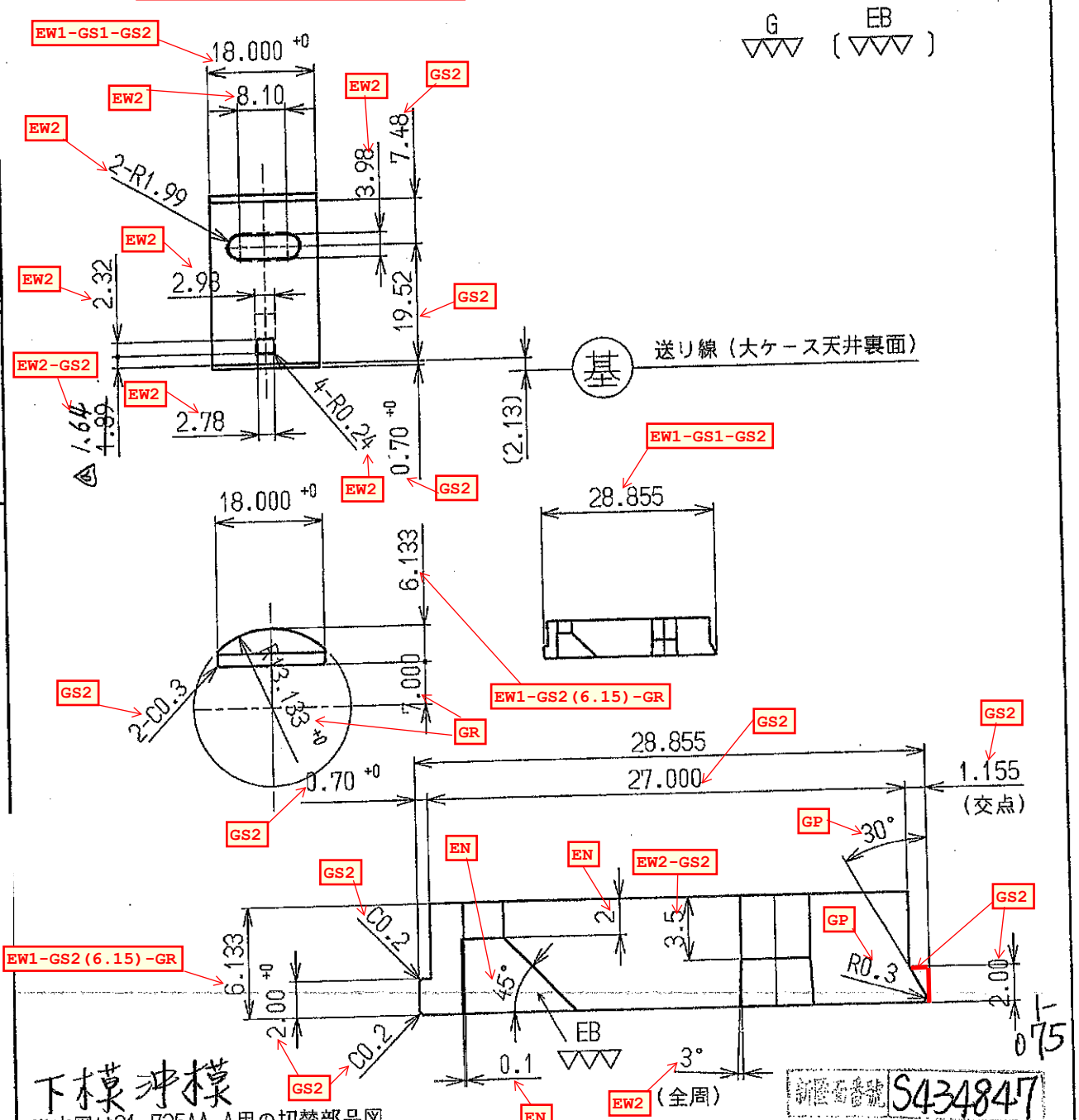


21/3/11

加工公差表示		
0.0000	±0.002	0.000 +0 -0.005
0.000	±0.005	0.000 -0 +0.005
0.00	±0.01	0.00 +0 -0.01
0.0	±0.1	0.00 -0 +0.01
0.	±0.2	0.0 +0 -0.1
		0.0 -0 +0.1
公差表示されている場合は、それを優先する		

EW1 ra phôi:T20\*6.7\*29.4  
GS1:  
-6.133=>lượt sáng  
-18.000=>18.05  
-28.855=>28.91



下模冲模

※本図は21-725AA-A用の切替部品図

部 品 名		材 質		数 量		設 備 名 称	
下型ダイ		WC(D40/H2P)		1		RS-360/365大ケース横風穴抜切り起し型	
熱 処 理		表 面 処 理		検 図		日 付	
焼入 焼戻 HRC				矢島		2001/4/26	
尺 度		第三 角法		図面 番号		訂正Rev	
1/1				TM14-027M-00 1 075-AA <sup>△</sup> AB		a	

マブチモーター株式会社

720X 15X 35"

414 . 0 1 1 0 0 0 2

SNO: **S434847**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD40</b> <b>T20*10*32</b>	EW1:40 GS1:40 ED:30 EW2:75 GS2:120 GR:120 GP:40 EN:90 KT